

TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

(Hiệu chỉnh)



**DỰ ÁN** : XDM 03 LỘ RA KCN VĨNH LỘC 2, BÙI DƯƠNG  
LỊCH VÀ CÙ LAO TRẠM 110 KV VĨNH LỘC

**KẾ HOẠCH** : ĐTXD

**ĐỊA CHỈ** : PHƯỜNG BÌNH TÂN – TP.HCM

**KHAI TOÁN VỐN** : 33.891.691.784 ĐỒNG

**NGƯỜI LẬP PA** : NGUYỄN THÀNH TÀI

**CHỦ TRÌ LẬP PA** : ĐOÀN MINH THUẬN./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng QLĐT (để phối hợp);
- Phòng KHVT (để phối hợp);
- Đội QLLĐ, VHLD (để biết);
- Lưu: VT, KTAT, NTT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**NGÔ VĂN THÀNH**

**PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ**  
**XDM 03 LỘ RA KCN VĨNH LỘC 2, BÙI DƯƠNG LỊCH VÀ CÙ LAO**  
**TRẠM 110 KV VĨNH LỘC**

**1. Các căn cứ và cơ sở lập dự án:**

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 07/01/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp trong các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-HĐTV ngày 31/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM ban hành Quy định về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty Điện lực thay thế quyết định 147/QĐ-HĐTV ngày 28/11/2022;

Căn cứ quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/06/2025 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

Căn cứ quyết định số 3571/QĐ-EVNHCMC ngày 14/07/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc cập nhật suất vốn đầu tư công trình: lắp đặt tủ trung thế (gồm phần móng, thiết bị) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 3789/QĐ-EVNHCMC ngày 24/07/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc cập nhật suất vốn đầu tư công trình: lắp đặt tủ trung thế (gồm phần móng, thiết bị áp dụng chung trong Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh thay thế quyết định 2792/QĐ-EVNHCMC ngày 23/06/2023;

Căn cứ Quyết định số 3586/QĐ-EVNHCMC ngày 04/08/2023 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc hiệu chỉnh, cập nhật suất vốn đầu tư công trình: Cấp ngầm hạ thế lõi nhôm; lắp đặt một số thiết bị chính (gồm tủ bù trung thế, LBS và Recloser) để áp dụng chung trong Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh.

Căn cứ quyết định số 136/QĐ-EVNHCMC ngày 23/06/2017 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định suất vốn đầu tư công trình lưới điện trong EVNCHMC;

Căn cứ quyết định số 2796/QĐ-EVNHCMC ngày 02/07/2024 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc cập nhật suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi áp dụng chung trong nội bộ Tổng công ty (*thay thế một phần mục I - phần II – Quyết định 136/QĐ-EVNHCMC ngày 23/06/2017*);

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-EVNHCMC ngày 23/01/2024 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc phát hành đơn giá tính toán chính định rò le cấp điện áp  $\leq 35\text{kV}$  do Trung tâm Điều độ Hệ thống điện thực hiện;

Căn cứ công văn số 2041/ALĐPP-KT ngày 21/04/2025 của Ban QLDA lưới điện phân phối Tp.HCM về việc cập nhật, xây dựng định mức, đơn giá và suất vốn đầu tư trong nội bộ Tổng công ty năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2144/ALĐPP-KT ngày 24/04/2025 của Ban QLDA lưới điện phân phối Tp.HCM về việc cập nhật, xây dựng định mức, đơn giá và suất vốn đầu tư trong nội bộ Tổng công ty năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-SKD-KT&VLXD ngày 31/12/2024 của Sở Xây dựng TP.HCM về việc công bố giá nhân công xây dựng, giá cá máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐTV ngày 01/04/2020 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt nội dung thiết trí lưới điện phân phối - phân cấp quang trong ngầm hóa phục vụ viễn thông dùng riêng.

Căn cứ văn bản số 2001/EVNHCMC-KT ngày 8/5/2020 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh về việc phổ biến áp dụng thiết trí lưới điện phân phối – phân cấp quang trong ngầm hóa phục vụ viễn thông dùng riêng;

Căn cứ văn bản số 2451/EVNHCMC-KT+KH+QLĐT ngày 22/6/2022 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc sử dụng cáp ngầm trung thế đơn pha thay thế, kéo mới cho cáp lộ ra tại các trạm 220kV, 110kV.

Căn cứ văn bản số 2867/EVNHCMC-KT ngày 01/08/2024 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh về việc chuẩn hóa chủng loại cáp ngầm trung thế 3 pha/đơn pha cho các lộ ra 22kV tại TBA 110, 220kV;

Căn cứ văn bản số 3109/EVNHCMC-KH ngày 05/08/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện các dự án và kế hoạch đầu tư xây dựng;

Căn cứ văn bản số 3791/EVNHCMC ngày 14/10/2024 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh về việc phổ biến áp dụng bộ thiết trí lưới điện phân phối;

Căn cứ văn bản số 5335/QĐ-EVNHCMC ngày 13/10/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh về việc lắp đặt một số thiết bị chính (gồm: tụ bù trung thế, LBS và Recloser áp dụng chung nội bộ Tổng công ty);

Căn cứ văn bản số 4269/PCBP-KHVT ngày 30/08/2025 của Công ty Điện lực Bình Phú về việc triển khai thực hiện các dự án lưới điện 110 – 220kV.

## **2. Mục tiêu đầu tư:**

Nâng cao độ tin cậy, an toàn và chất lượng cung cấp điện, góp phần giảm tổn thất điện năng trên lưới điện.

- Điều hòa phụ tải giữa các tuyến dây thuộc khu vực phường Bình Tân.
- Đảm bảo mỹ quan đô thị và phù hợp với quy hoạch phát triển của Quận 6 và Bình Tân.

### 3. Hiện trạng lưới điện:

Khu vực này đang được cung cấp điện từ:

- Tuyến 22 kV Tổng Kho 3xACV240 + AC95 - trạm Vĩnh Lộc.
- Tuyến 22 kV Hải Sản 3xACV240 + AC95 - trạm Vĩnh Lộc.
- Tuyến 22 kV Mã Vôì 3xACV240 + AC95 - trạm Vĩnh Lộc.
- Tuyến 22 kV KCN Vĩnh Lộc 3xACV240 + AC95 - trạm Tân Bình 2.
- Các tuyến dây trên có đường trục trung thế với tiết diện 240 mm<sup>2</sup> (ngâm và nổi) vẫn còn khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn, tuy nhiên đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 phụ tải sẽ tiếp tục tăng cao do khu vực đang trong giai đoạn hoàn thiện các khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

+ Phụ tải MBT trạm trung gian (phụ tải khu vực dự kiến tăng trưởng 5%)

Stt	Trạm trung gian	MBT	Năm 2025 (Imax ngày 06/06)	Dự báo 2026	Dự báo 2027
1	Vĩnh Lộc	T1 (Hải Sản)	1290	1354	1489
2	Vĩnh Lộc	T2 (Tổng Kho)	1240	1302	1432
3	Tân Bình 1	T2 (KCN Vĩnh Lộc)	910	991	1188

+ Phụ tải tuyến dây 22kV (phụ tải tăng trưởng 10%)

Stt	Tuyến dây	Năm 2025 (Imax)		Dự báo 2026		Dự báo 2027	
		Phụ tải	Khách hàng	Phụ tải	Khách hàng	Phụ tải	Khách hàng
1	Hải Sản	80	45	87	50	95	55
2	Tổng Kho	190	2613	207	2848	225	3104
3	KCN Vĩnh Lộc	210	4390	228	4785	248	5215

Vì thế, việc xây dựng mới lộ ra Bùi Dương Lịch, KCN Vĩnh lộc 2, Cù Lao trạm Vĩnh Lộc để rút ngắn bán kính, giảm tải và số khách hàng cho tuyến dây hiện hữu, dự phòng cho tương lai, tăng khả năng dự phòng lưới điện, chuyển tải linh hoạt phù hợp với quy hoạch và phát triển phường Bình Tân là rất cần thiết.

#### **4. Quy mô, đặc điểm của dự án:**

##### **4.1. Mô tả phạm vi dự án:**

###### **• Lộ ra Bùi Dương Lịch**

- Phạm vi trạm trung gian Vĩnh Lộc: Máy cắt trạm đến cửa trạm Vĩnh Lộc.
- Tuyến đường 1: Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Tân, đoạn từ cửa trạm Vĩnh Lộc đến đường số 4 KCN Vĩnh Lộc.
- Tuyến đường 2: Từ trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bới đường số 4 KCN Vĩnh Lộc đến đoạn NR trạm Mã Vôi 2 đường Bùi Dương Lịch. Tại vị trí T1 kế địa chỉ 124 Bùi Dương Lịch thay 01 trụ BTLT 12m thấp bằng trụ đơn 14m (2 khúc) kế trạm Mã Vôi 2.
- Thay trụ 12m thấp kế địa chỉ 124 Bùi Dương Lịch và lắp LBS 1 Bùi Dương Lịch và lắp LBS Mã Vôi 3.
- Phân đoạn DS Mã Vôi 5 lắp LBS Mã Vôi 5 (SD LBS 75A Hồ Văn Long).
- Thay LBS 75A Hồ Văn Long bằng Recloser lắp mới.
- Tại phân đoạn DS Mã Vôi 5 di dời LBS 75A Hồ Văn Long đặt tên LBS Mã Vôi 5 (SDL LBS 75A Hồ Văn Long).

###### **• Lộ ra KCN Vĩnh Lộc 2**

- Phạm vi trạm trung gian Vĩnh Lộc: Máy cắt trạm đến cửa trạm Vĩnh Lộc.
- Tuyến đường 1: Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Tân, đoạn từ cửa trạm Vĩnh Lộc đến đường số 4 KCN Vĩnh Lộc.
- Tuyến đường 2: Từ trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bới đường số 4 KCN Vĩnh Lộc đến trụ trạm P3 – KCN Vĩnh Lộc, từ trụ L-DSP3/T3P.
- Tuyến đường 3: Từ trạm P3 – KCN Vĩnh Lộc (trụ L-DSP3/T3P) đường số 5 đến trụ NR trạm Vĩnh Lộc Lô A5 trụ L-DS2B/T4T.
- Tuyến đường 4: Từ trụ L-DS2B/T4T đường số 2B, Phường Bình Tân, băng qua giao lộ đường số 2B với đường số 5 đến vị trí trụ L-DS2B/T11T (vị trí này đã thu hồi DS 2B KCN VL).
- Trồng mới 01 trụ lắp LBS 1 KCN – Vĩnh Lộc 2 (kể thiết bị LBS đường số 2B).
- Trồng mới 01 trụ lắp Recloser PĐ đường 2B (kể trụ trồng mới điểm đầu nối lộ ra KCN VL2).

###### **• Lộ ra Cù Lao**

- Phạm vi trạm trung gian Vĩnh Lộc: Máy cắt trạm đến cửa trạm Vĩnh Lộc.
- Tuyến đường 1: Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Tân, đoạn từ cửa trạm Vĩnh Lộc đến LBS Ban QL KCN VL tại trụ L-DSP1/T2P đường số 1 KCN Vĩnh Lộc. Kế trụ L-DSP1/T2P lắp tủ RMU 4L không có chức năng Scada.

- Tuyến đường 2: Từ vị trí lắp tủ RMU 4L (ngăn 2) đến trụ L-DSP1/T1P đường số 1 KCN Vĩnh Lộc. Trồng mới 01 trụ BTLT lắp LBS.
- Tuyến đường 3: Từ vị trí lắp tủ RMU 4L (ngăn 3) đến trụ L-DSP1/T3PA đến trụ trạm KCN Vĩnh Lộc 1B đường 1B, Phường Bình Tân, kế trụ này trồng mới 01 trụ lắp LBS.
- Tuyến đường 4: Từ vị trí lắp tủ RMU 4L (ngăn 4) đến trụ L-NTT/T36P đường Nguyễn Thị Tú. Tại trụ L-BT/T29P đường Bình Thành phường Bình Tân kế trụ LBS Bình Thành lắp mới LBS.

#### **4.2. Giải pháp kỹ thuật đề xuất:**

##### **4.2.1 Giải pháp chung**

- **Lưới trung thế ngầm:**

- Sử dụng mương cáp và ống HDPE hiện hữu có hướng tuyến từ trạm 220/110kV Vĩnh Lộc đến hầm cáp đặt trước trạm Vĩnh Lộc.
- Sử dụng mương cáp XDM BTNN hoặc BTXM, gạch Terarros từ hầm cáp đặt trước trạm Vĩnh Lộc đến điểm đấu nối đầu tiên (trụ số 1, tủ RMU, tủ Máy cắt tại trạm ngắt).
- Sử dụng cáp ngầm trung thế loại đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> từ trạm trung gian đến vị trí đấu nối đầu tiên.
- Sử dụng cáp ngầm trung thế loại 3 pha có tiết diện 240mm<sup>2</sup> từ tủ RMU để đấu nối với lưới điện ngầm hiện hữu.
- Sử dụng cáp hạ thế mắc điện 2x10mm<sup>2</sup> kéo mới cáp nguồn cho tủ RMU SCADA phục vụ vận hành chức năng SCADA.

- **Thiết bị đóng cắt bảo vệ**

- Sử dụng các thiết bị đóng cắt (dạng kín) có chức năng SCADA nhằm đồng bộ với thiết bị hiện hữu đang vận hành phục vụ công tác chuyển tải xa, DAS trên lưới điện. Đồng thời, không lắp đặt DS tại trụ số 1 và các phân đoạn để hạn chế sự cố do động vật xâm phạm; cây xanh, vật lạ chạm và vướng vào các điểm hở tìm ẩn khả năng và nguy cơ sự cố lưới điện.

##### **4.2.2 Giải pháp kỹ thuật chi tiết**

###### **a) Tính chọn tiết diện cáp ngầm trung thế đơn pha**

**Các dữ liệu đầu vào:**

Điện áp vận hành: 22 kV

Dòng điện định mức các lộ ra 22kV:

800A

Dòng điện vận hành bình thường các lộ ra 22 kV:

200-300A

Dòng điện vận hành khi chuyển tải các lộ ra 22 kV :

200-400A

Dòng chịu ngắn mạch

25 kA

Độ sâu lắp đặt cáp ngầm trung thế:

>0,7m

Điều kiện lắp đặt: đặt trong ống và chôn trong đất

Cách bố trí: 3 pha ngang

Nhiệt độ môi trường đất: 30<sup>o</sup>

Nhiệt trở xuất của đất 1,2 k.m/W

Khoảng cách cách pha 150mm

Khoảng cách giữa các mạch cáp ngầm 200mm

### b) Thuyết minh lựa chọn cáp ngầm

Căn cứ vào các dữ liệu tính toán trên có 3 phương án cho cáp ngầm lộ ra 22 kV trạm 110 - 220kV Đầm Sen được đưa ra xem xét lựa chọn:

Phương án 1 (Cáp ngầm lộ ra 22 kV sử dụng 02 sợi cáp ngầm 3M240mm <sup>2</sup> -24 kV ruột đồng)	Phương án 2 (Cáp ngầm lộ ra 22 kV sử dụng mạch đơn pha ruột đồng 1M240mm <sup>2</sup> -24 kV)	Phương án 3 (Cáp ngầm lộ ra 22 kV sử dụng cáp đơn pha ruột đồng 1M400mm <sup>2</sup> -24 kV)
Dòng tải: Đáp ứng và có dự phòng trường hợp N-1 mức độ cao (dòng điện tính toán có sau khi lắp đặt: 418A)	Dòng tải: Đáp ứng và không đạt mức dự phòng trường hợp N-1 bình thường (dòng điện tính toán có sau khi lắp đặt: 301A)	Dòng tải: Đáp ứng và đạt mức dự phòng trường hợp N-1 bình thường (dòng điện tính toán có sau khi lắp đặt: 380A)
Phương án lắp đặt trong ống HDPE 195/150	Phương án lắp đặt trong ống HDPE 90	Phương án lắp đặt trong ống HDPE 100/85
Suất đầu tư: 5,007 triệu/m (Quyết định 50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022)	Suất đầu tư: 5,650 triệu /m (tạm tính)	Suất đầu tư: 6,347 triệu /m (tạm tính)
Vận hành bảo dưỡng: chiều dài chế tạo cuộn cáp 250m và cáp 3 pha nên khi sự cố phải thế bằng cáp tương ứng. Vận hành bảo trì tốn nhiều công.	Vận hành bảo dưỡng: chiều dài chế tạo cuộn cáp 500m và cáp 1 pha nên khi sự cố không ảnh hưởng đến 02 pha còn lại chỉ thay thế/nối cho sợi cáp bị sự cố giảm chi phí bảo trì. Đánh giá về độ tin cậy cao hơn phương án cáp 3 pha	Vận hành bảo dưỡng: chiều dài chế tạo cuộn cáp 500m và cáp 1 pha nên khi sự cố không ảnh hưởng đến 02 pha còn lại chỉ thay thế/nối cho sợi cáp bị sự cố giảm chi phí bảo trì. Đánh giá về độ tin cậy cao hơn phương án cáp 3 pha
Do có đường kính 80mm lớn nên bán kính uốn cong cáp trong các điều kiện lắp đặt phải đủ rộng mới đảm bảo yêu cầu lắp đặt theo quy định	Đường kính cáp độ khoảng 45mm nên bán kính uốn cong nhỏ có thể kéo cáp dễ dàng trong điều kiện khó khăn nhất	Đường kính cáp độ khoảng 50mm nên bán kính uốn cong nhỏ có thể kéo cáp dễ dàng trong điều kiện khó khăn nhất

Kết quả phân tích chọn cáp ngầm theo 4 phương án trên cho kết quả như sau:

1.	CÁC BƯỚC TÍNH TOÁN	Ký hiệu	Giá trị			Ghi chú
			PA1	PA2	PA3	
	DỮ LIỆU ĐẦU VÀO					

	CÁC BƯỚC TÍNH TOÁN	Ký hiệu	Giá trị			Ghi chú
	Điện áp (kV)		22	22	22	
	Số mạch (kV)		2	1	1	
	Công suất tải yêu cầu _Sđặt (MVA)		16,2	16,2	16,2	
	Dòng điện định mức (A)		426	426	426	
	Dòng chịu ngắn mạch yêu cầu I (N3) (kA)		25	25	25	
	Thời gian cắt ngắn mạch (s)		1	1	1	
	<b>2. ĐIỀU KIỆN LẮP ĐẶT</b>					
	Trong đất (D)V không khí (K)		D	D	D	
	Đặt trong ống (có (C)/không (K))		C	C	C	
	Cách bố trí ba pha (tam giác (Tg)/nằm ngang (N))		N	Tg	Tg	
	Cách nối đất (trực tiếp 2 đầu (T) / đảo pha (Đ))		T	T	T	
	Nhiệt độ môi trường không khí (°C)					
	Nhiệt độ môi trường đất (°C)		30	30	30	
	Nhiệt trở suất của đất (k.m/W)		1,2	1,2	1,2	
	Độ sâu đặt cáp (m)		1,2	1,2	1,2	
	Khoảng cách pha (mm)		0	150	150	
	Khoảng cách giữa 2 mạch (mm)		200	200	200	
	<b>3. CÁC HỆ SỐ HIỆU CHỈNH</b>					
	Hệ số hiệu chỉnh khi đặt trong không khí	k1	1	1	1	Chỉ tính nếu đặt cáp trong không khí
	Hệ số hiệu chỉnh khi đặt trong ống	k2	0,94	0,94	0,94	Tra từ bảng thông số khả năng tải của cáp
	Hệ số hiệu chỉnh theo nhiệt độ môi trường đất	k3	0,93	0,93	0,93	
	Hệ số hiệu chỉnh theo nhiệt trở suất đất	k4	0,93	0,93	0,93	
	Hệ số hiệu chỉnh theo độ sâu đặt cáp	k5	0,98	0,98	0,98	
	Hệ số hiệu chỉnh theo khoảng cách pha	k6	0,93	1,03	1,03	
	Hệ số hiệu chỉnh theo khoảng cách giữa các mạch	k7	0,81	0,81	0,81	
	<b>4. CHỌN TIẾT DIỆN CÁP</b>					
	Tiết diện cáp (mm <sup>2</sup> )		240	240	400	
	Dòng điện định mức tương ứng (A)	Icp	696,6	453	571	Tra từ bảng thông số khả năng tải của cáp
	Dòng điện tính toán theo các hệ số điều chỉnh (A)	I <sub>tt</sub>	418	301	380	= I <sub>cp</sub> *k <sub>1</sub> *k <sub>2</sub> *k <sub>3</sub> *k <sub>4</sub> *k <sub>5</sub> *k <sub>6</sub>

### c) Kết luận và kiến nghị:

Phương án 1: có ưu điểm là chi phí đầu tư thấp hơn phương án 2 và phương án 3, đáp ứng yêu cầu vận hành và đã được sử dụng nhiều hiện nay tại các trạm trung gian về cơ bản là đáp ứng vận hành tuy nhiên trong điều kiện bảo

dưỡng hoặc sự cố thì cần thay thế/nổi cáp cho cả 3 pha hơn nữa chiều dài chế tạo của cáp đến 250 m. Vì vậy sẽ có nhiều hộp nối làm tăng nguy cơ sự cố cho lưới điện nếu chiều dài tuyến dài.

Phương án 2: có ưu điểm là đáp ứng được nhu cầu vận hành bình thường còn với tiêu chí N-1 không thỏa mãn, chi phí đầu tư chấp nhận được, vận hành bảo trì bảo dưỡng thuận lợi trong trường hợp có sự cố pha nào thì nối hoặc thay pha đó không ảnh hưởng đến 02 còn lại. Chiều dài chế tạo cáp lên đến 500 m vì vậy giảm đáng kể số lượng hộp nối cáp từ đó giảm nguy cơ sự cố cho lưới điện.

Phương án 3: có ưu điểm là đáp ứng được nhu cầu vận hành với tiêu chí N-1, chi phí đầu tư chấp nhận được, vận hành bảo trì bảo dưỡng thuận lợi trong trường hợp có sự cố pha nào thì nối hoặc thay pha đó không ảnh hưởng đến 02 còn lại. Chiều dài chế tạo cáp lên đến 500 m vì vậy giảm đáng kể số lượng hộp nối cáp từ đó giảm nguy cơ sự cố cho lưới điện. Chi phí đầu tư không quá cao và độ dự phòng tải cũng đáp ứng.

Từ các phân tích trên nhận thấy Phương án 1 đã được sử dụng rộng rãi là phương án truyền thống, tuy nhiên khi xét về các điều kiện bảo trì, vận hành vẫn còn một số khuyết điểm chưa tối ưu. Phương án 2 không thỏa mãn tiêu chí N-1 nên không chọn cho cáp lộ ra từ trạm trung gian. Phương án 3 là tối ưu trong 3 phương án xét về điều kiện kỹ thuật vận hành cũng như về mặt kinh tế. Công ty kiến nghị chọn phương án 3 làm phương án thiết kế cho việc sử dụng cáp đơn pha cho các lộ ra 22kV trạm trung gian từ máy cắt đến trụ số 1, trạm ngắt, trạm nút trong quá trình thiết kế dự án xây dựng mới lộ ra trung thế phù hợp với văn bản 2867/EVNHCMC-KT ngày 01/08/2024 (đảm bảo tiêu chí N-1, độ dự phòng tải vẫn đáp ứng). Đối với trường hợp còn lại sử dụng cáp ngầm 3 lõi loại chống thấm nước với tiết diện, kiểu màn chắn kim loại bằng đồng hoặc sợi đồng tùy theo hiện trạng hoặc theo tính toán thiết kế và luận chứng kỹ thuật phù hợp.

#### **4.2.3 Giải pháp kỹ thuật chung - phân hạ tầng viễn thông dùng riêng**

- Lắp đặt cáp quang:

+ Độ sâu lắp đặt cống cáp tính từ đỉnh của lớp cống cáp trên cùng đến mặt đất có chiều sâu tối thiểu là 0,7 mét đo đi dưới lòng đường.

+ Khoảng cách giữa cáp điện lực và cáp quang được lắp đặt song song.

+ Đối với ống nhựa luồn cáp quang ngầm là ống nhựa HDPE phẳng dự kiến sử dụng đường kính ống 90 mm phục vụ ống cho cáp quang quang trực chính (Lưu ý: trong quá trình lập hồ sơ thiết kế thì đơn vị thiết kế làm việc với Công ty Công nghệ thông tin Điện lực TP.HCM để lựa chọn loại ống và đường kính ống phù hợp với thực tế của các tuyến cáp quang đang quản lý vận hành).

+ Lắp đặt ống luồn cáp quang đi chung mương cáp trung thế XDM dưới lòng đường theo tiêu chuẩn số TNG-10-01 nhằm kết nối hạ tầng cáp quang

VTDR cho các trạm nút theo thiết trí lưới điện phân phối – phần cáp quang trong ngầm hóa phục vụ viễn thông dùng riêng ban hành tại văn bản số 2001/EVNHCMC-KT ngày 8/5/2020.

- *Lắp đặt băng cảnh báo cáp quang*: Ống cáp quang đi chung hay đi riêng với cáp điện ngầm dưới mặt đất phải lắp băng cảnh báo cáp ngầm dọc theo tuyến cáp và băng cảnh báo được đặt trên đan hoặc gạch làm dấu.

- *Hố cáp quang*:

+ Khoảng cách giữa các hố trung bình là 100 mét.

+ Tại các vị trí tuyến đường thẳng: bố trí hố cáp quang dùng cho vị trí dưới lòng đường – đi thẳng, không rẽ nhánh theo tiêu chuẩn số TNG-30-05 – Hố cáp quang EVNHCMC loại 5 để kéo, nối ống cáp quang.

+ Tại các vị trí chuyển đổi hướng sang đường lân cận (quẹo trái hoặc quẹo phải): bố trí hố cáp quang dùng cho vị trí dưới lòng đường - đi thẳng, rẽ một nhánh theo tiêu chuẩn số TNG-30-07 – Hố cáp quang EVNHCMC loại 7 để kéo, nối ống cáp quang.

+ Tại các vị trí nút giao ngã tư: bố trí hố cáp quang dùng cho vị trí dưới lòng đường - đi thẳng, rẽ hai nhánh theo tiêu chuẩn số TNG-30-08 – Hố cáp quang EVNHCMC loại 8 để kéo cáp dọc theo lộ ra XDM.

**\* Đồng bộ các tuyến đường, đoạn đường hạn chế thi công đào đường trong giai đoạn 2026- 2030**

Đối với các tuyến đường, đoạn đường trong phạm vi công trình có thi công đào đường trong dự án này **không trùng lắp** với danh mục các tuyến đường, đoạn đường hạn chế thi công đào đường của Sở Giao thông vận tải tại thông báo số 688/TB-SGTVT ngày 26/01/2024 hoặc UBND Quận Bình Tân theo phân cấp. Trong trường hợp có bổ sung thi công các tuyến đường, đoạn đường nêu trên thì các chủ đầu tư phải thống nhất tiến độ và phương án phối hợp thi công đồng bộ, tránh đào, tái lập mặt đường nhiều lần gây ảnh hưởng giao thông theo đúng hướng dẫn 6460/HD-SGTVT ngày 12/11/2018.

### **4.3. Qui mô, khối lượng đầu tư:**

#### **a) Qui mô phần chuyên điện - không chuyên điện**

##### **\* Lộ ra Bùi Dương Lịch**

- Xuất phát từ máy cắt máy biến thế T1 trạm Vĩnh Lộc đến cửa trạm Vĩnh Lộc: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi trong mương cáp XDM: 50m.

- Từ cửa trạm Vĩnh Lộc băng qua giao lộ đường số 7 đi thẳng đến DS1 Tông Kho, trồng mới 01 trụ BTLT 14m, lắp mới 01 LBS có chức năng Scada (đặt tên LBS 1 Bùi Dương Lịch): kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng trong mương cáp XDM: 40m.

- Từ vị trí lắp mới 01 LBS có chức năng Scada đến trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bới đường số 4 KCN Vĩnh Lộc đối diện NR trạm Mã Vôi 2 đường Bùi

Dương Lịch.: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng trong mương cáp BTNN XDM: 538m.

- Từ trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bời đường số 4 KCN Vĩnh Lộc đổi điện NR trạm Mã Vôi 2 trụ L-BDL/T11P đường Bùi Dương Lịch. Tại vị trí T1 kế địa chỉ 124 Bùi Dương Lịch thay 01 trụ BTLT 12m thấp bằng trụ đơn 14m (2 khúc) kế trạm Mã Vôi 2: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng đường trong mương cáp BTNN XDM: 110m

#### \* Lộ ra KCN Vĩnh lộc 2

- Xuất phát từ máy cắt máy biến thế T2 trạm Vĩnh Lộc đến cửa trạm Vĩnh Lộc: kéo mới 03 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi trong mương cáp hiện hữu: 50m.

- Từ cửa trạm Vĩnh Lộc băng qua giao lộ đường số 7 đi thẳng đến DS1 Tông Kho, trồng mới 01 trụ BTLT 14m, lắp mới 01 LBS có chức năng Scada (đặt tên LBS 1 KCN Vĩnh Lộc 2): kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng trong mương cáp XDM: 40m.

- Từ vị trí lắp mới 01 LBS có chức năng Scada đến trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bời đường số 4: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng trong mương cáp BTNN XDM: 538m.

- Từ trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bời đường số 4 trụ trạm P3 -KCN VINH LOC đến giao lộ đường số 2B với đường số 5 vị trí trụ L-DS5/T15T: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng đường trong mương cáp BTNN XDM: 474m.

- Từ trụ L-DS5/T15T đường số 5 đến trụ L-DS2B/T11T đường số 2B (vị trí này đã thu hồi DS 2B KCN VL: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng đường bên phải trong mương cáp BTNN XDM: 103m.

#### \* Lộ ra Cù Lao

- Xuất phát từ máy cắt máy biến thế T3 trạm Vĩnh Lộc đến cửa trạm Vĩnh Lộc: kéo mới 03 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi trong mương cáp hiện hữu: 50m.

- Từ cửa trạm Vĩnh Lộc băng qua giao lộ đường số 7 đi thẳng đến DS1 Tông Kho: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng trong mương cáp XDM: 40m.

- Từ trụ L-DS4/T14P NR trạm Bảy Bời đường số 4 trụ trạm P3 - KCN VINH LOC đến giao lộ đường số 2B với đường số 5 vị trí trụ L-DS5/T15T: kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng đường trong mương cáp BTNN XDM: 474m.

- Từ trụ L-DS5/T15T đường số 5 đến trụ LBS Ban QL KCN VL tại trụ L-DSP1/T2P đường số 1 KCN Vĩnh Lộc đến vị trí lắp mới 01 tủ RMU – 4 ngăn không có chức năng scada (đặt tên RMU Ban QL KCN VL): kéo mới 01 sợi cáp

ngành trung thể đơn pha có tiết diện 400mm<sup>2</sup> đi dưới lòng trong mương cáp BTNN XDM: 394m.

- Tại ngăn 2 - tủ RMU đến trụ L-DSP1/T3P đường số 1: kéo mới 01 sợi cáp ngành trung thể 3x240mm<sup>2</sup> - 24kV đi dưới lòng trong mương cáp BTNN XDM: 40m.

- Tại ngăn 3 - tủ RMU đến vị trí T2 trụ trồng mới trụ 14m kế trạm KCN Vĩnh Lộc 1B đường số 1B KCN Vĩnh Lộc: kéo mới 01 sợi cáp ngành trung thể 3x240mm<sup>2</sup> - 24kV đi dưới lòng trong mương cáp BTNN XDM: 220m.

- Tại ngăn 4 - tủ RMU đến vị trí trụ L-BT/T29P kế trụ LBS Bình Thành kéo mới 01 sợi cáp ngành trung thể 3x240mm<sup>2</sup> - 24kV đi dưới lòng trong mương cáp BTNN XDM: 491m.

#### **\* Hạ tầng viễn thông dùng riêng**

- Thực hiện kết nối cáp quang từ trạm 110 kV Vĩnh Lộc đến tủ các vị trí 1 của các lộ ra KCN Vĩnh Lộc 2, Bùi Dương Lịch và Cù Lao, cụ thể như sau sau:

- Lắp mới ống nhựa phẳng HDPE D90 mương cáp XDM của lộ ra KCN Vĩnh Lộc 2 lắp mới.

- Lắp mới ống nhựa phẳng HDPE D90 mương cáp XDM của lộ ra Bùi Dương Lịch lắp mới.

- Lắp mới ống nhựa phẳng HDPE D90 mương cáp XDM của lộ ra Cù Lao lắp mới.

- Hồ cáp quang EVNHCMC loại 5 (dùng cho vị trí dưới lòng đường - đi thẳng không rẽ nhánh): 25 hố.

- Hồ cáp quang EVNHCMC loại 7 (dùng cho vị trí dưới lòng đường - đi thẳng một rẽ nhánh): 03 hố.

#### **4.4. Tổng hợp khối lượng đầu tư:**

- Kéo mới Cáp ngành trung thể loại đơn pha 3x1M400mm<sup>2</sup> - 24kV: 3439m

- Kéo mới Cáp ngành Cu/XLPE 2x3M240mm<sup>2</sup> -24kV + BTNN: 1021m

- Mương cáp BTNN - 09 ống xoắn HDPE D105/80 (0.6mx1.2m) - mỗi lớp 3 ống: 0.628 Km.

- Mương cáp BTNN - 06 ống xoắn HDPE D105/80 (0.6mx1.2m) - mỗi lớp 3 ống: 0.474 Km.

- Mương cáp BTNN - 03 ống xoắn HDPE D105/85 (0.6mx0.9m): 0.607 Km.

- Lắp mới RMU 4L OD& phụ kiện không SCADA: 01 tủ

- Lắp đặt LBS 630A loại kín có chức năng Scada trên trụ hiện hữu: 06 bộ

- Lắp Recloser 630A trên trụ hiện hữu (có chức năng Scada) thi công live line: 02 bộ.

**4.5. Tổng hợp khối lượng theo suất vốn đầu tư đã ban hành:**

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
<b>I. Suất đầu tư EVN 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 (trước VAT):</b>			
1	CNTT 1x3M240-24kV, trong ống HDPE 150, BTNN	km	1,021
<b>II. Các suất đầu tư do HCMC hiệu chỉnh (sau VAT):</b>			
<b>1. Suất đầu tư theo VB 5999/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022 (sau VAT):</b>			
<b>*RMU ngoài trời không chức năng SCADA:</b>			
1	Tủ RMU 4L OD & phụ kiện	tủ	01
<b>2. Suất đầu tư theo VB 5335/QĐ-EVNHCMC ngày 23/10/2023 (sau VAT):</b>			
1	Lắp đặt LBS 630A loại kín trên trụ hiện hữu (có chức năng Scada) thi công live line	bộ	06
2	Lắp đặt Recloser 630A trên trụ hiện hữu (có chức năng Scada) thi công live line	bộ	02
<b>III. Khái toán tạm tính:</b>			
1	Mương cáp BTNN - 09 ống xoắn HDPE D105/85 (0.6mx1.2m) - mỗi lớp 3 ống	Km	0.628
2	Mương cáp BTNN - 06 ống xoắn HDPE D105/85 (0.6mx1.2m) - mỗi lớp 3 ống	Km	0.474
3	Mương cáp BTNN - 03 ống xoắn HDPE D105/85 (0.6mx0.9m)	Km	0.607
4	Cáp ngầm trung thế loại đơn pha 3x1M400mm <sup>2</sup> - 24kV	Km	3439
5	Chi phí hồ cáp viễn thông	TP	1
6	Chi phí tính toán trị số relay tủ RMU	Tủ	1

**4.6. Tổng hợp khái toán cho công trình:**

STT	Nội dung	Thành tiền (sau VAT)		
		Tổng	Xây lắp	Thiết bị
1	Tổng khái toán chưa dự phòng (sau VAT):	30.810.628.895	27.670.216.628	2.004.477.819
2	Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng (10%)	3.081.062.889		
3	<b>Tổng khái toán (sau VAT):</b>	<b>33.891.691.784</b>	<b>27.670.216.628</b>	<b>2.004.477.819</b>

(Đính kèm bảng khái toán chi tiết)

**4.7. Bảng khai thác tải lộ ra KCN - Vĩnh Lộc 2, Bùi Dương Lịch, Cù Lao tràm 110kV Vĩnh Lộc.**

**1/ Bảng phụ tải hiện hữu các tuyến dây liên quan:**

STT	Tuyến dây	Trạm trung gian	Phụ tải max (A)	Khách hàng	SL trạm	Công suất (kVA)	Ghi chú
1	Tổng Kho	Vĩnh Lộc	80	2504	17	8195	

STT	Tuyến dây	Trạm trung gian	Phụ tải max (A)	Khách hàng	SL trạm	Công suất (kVA)	Ghi chú
2	Hải Sản	Vĩnh Lộc	210	146	67	46635	
3	Phương Oanh	Bình Tân	170	1926	47	26450	
4	KCN Vĩnh Lộc	Tân Bình 1	200	4422	47	23757	

**2/ Bảng phụ tải sau khi khai thác các lộ ra mới.**

STT	Tuyến dây	Trạm trung gian	Phụ tải max (A)	Khách hàng	SL trạm	Công suất (kVA)	Ghi chú	Phân đoạn các tuyến dây
1	Tổng Kho	Vĩnh Lộc	33	309	8	3065		
2	Hải Sản	Vĩnh Lộc	126	120	40	30710		
3	Phương Oanh	Bình Tân	88	1889	17	8520		
4	KCN Vĩnh Lộc	Tân Bình 1	65	1606	15	5530		
5	KCN Vĩnh Lộc 2	Vĩnh Lộc	15	13	12	5510	Nhận phụ tải phân đoạn LBS Đường Số 2 KCNVL - LBS GL Đường 2B KCNVL	Hải Sản
			69	13	15	10415	Nhận phụ tải phân đoạn LBS GL Đường 2B KCNVL - LBS Đường Số 2B.	Hải Sản
6	Bùi Dương Lịch	Vĩnh Lộc	47	2195	9	5130	Nhận phụ tải phân đoạn LBS Mã Voi - LBS Gò Mây 4.	Tổng Kho
7	Cù lao	Vĩnh Lộc	82	37	30	17930	DS 1 Đường số 5 - LBS Đường Số 5 KCN VL - REC PĐ Đường 2A-2B - LBS Ban QL KCNVL.	Phương Oanh
			75	413	16	10587	REC Đường số 1A KCN Vĩnh Lộc - LBS Ban QL KCNVL - REC Cây Xăng KCNVL - LBS Cù Lao.	KCN Vĩnh Lộc
			60	2403	16	7640	LBS Cù Lao - LBS PĐ Bình Thành.	KCN Vĩnh Lộc

## **5. Hiệu quả đầu tư:**

### **\* Về mặt kỹ thuật:**

– Tình trạng đầy tải lưới trung thế tại khu vực sẽ giảm, tình trạng điện áp sẽ được cải thiện và giảm tổn thất, có nguồn điện dự phòng trong trường hợp gặp sự cố ở các tuyến dây trung thế hiện hữu

– Góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển và từng bước hiện đại lưới điện trong tương lai.

– Sau khi đưa vào vận hành lộ ra mới sẽ đảm bảo vận hành lưới điện linh hoạt, tin cậy và an toàn hơn (khi xảy ra sự cố thì số khách hàng mất điện và phạm vi mất điện nhỏ hơn).

### **\* Về mặt kinh tế - xã hội**

– Góp phần tạo mỹ quan đô thị, cải thiện và nâng cao đời sống của người dân, tạo điều kiện để phường Bình Tân, rộng hơn là Thành phố phát triển kinh tế, xã hội bền vững.

– Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho sinh hoạt, chiếu sáng, sản xuất,... được liên tục, người lao động được công ăn việc làm ổn định. Đặc biệt góp phần ổn định về mặt chính trị trên địa bàn Quận 6 và Bình Tân nói riêng và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

– Góp phần hoàn thiện qui hoạch phát triển điện lực, qui hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị của Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó đem lại hình ảnh ngày càng tốt đẹp hơn của ngành điện trong sự nhìn nhận của xã hội và nhân dân.

(Đính kèm bảng phân tích hiệu quả đầu tư phần tài chính)

## **6. Đề xuất tiến độ thực hiện:**

- Khởi công dự án: theo tiến độ trạm 110 kV Vĩnh Lộc

- Thi công dự án: trong 06 tháng kể từ ngày khởi công dự án

- Nghiệm thu quyết toán: Trong 03 tháng kể từ ngày thi công hoàn tất.

## **7. Bản vẽ mặt bằng tổng thể và các bản vẽ liên quan khác (nếu có):**

- Bản vẽ đính kèm.

## PHỤ LỤC 1

### **ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN “XDM 03 LỘ RA KCN VĨNH LỘC 2, BÙI DƯƠNG LỊCH VÀ CÙ LAO TRẠM 110 KV VĨNH LỘC”**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Luật BVMT 2020);

Căn cứ số Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định 08/2022);

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư 02/2022);

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-EVN ngày 28/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quy chế BVMT);

Căn cứ kế hoạch số 451/KH-EVNHCMC ngày 02/02/2023 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc triển khai thực hiện công tác quản lý kỹ thuật – vận hành năm 2023;

Căn cứ kế hoạch số 2482/EVNHCMC-KT ngày 19/06/2023 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc thực hiện lập giấy phép môi trường, đăng ký môi trường;

Căn cứ kế hoạch số 4278/EVNHCMC-KT ngày 20/10/2023 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc thực hiện thủ tục lập hồ sơ môi trường tại các đơn vị trực thuộc;

Theo Quy chế BVMT của EVN ban hành, các dự án khi triển khai phải thực hiện thủ tục Đăng ký môi trường (ĐKMT) đối với các dự án chưa được phê duyệt thiết kế như sau:

#### **1. Các dự án chưa được phê duyệt thiết kế**

- Trong BCNCKT/BCKTKT, TKBVTC cần trình bày về nội dung liên quan đến lập hồ sơ môi trường theo quy định của Luật BVMT, theo đó cần có thuyết minh, căn cứ và luận chứng để cụ thể về việc lập hồ sơ môi trường.

- Thời điểm thực hiện ĐKMT:

- + Đối với các dự án phải xin phép xây dựng: Thực hiện ĐKMT trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy pháp xây dựng.
- + Đối với các dự án không phải xin phép xây dựng: Thực hiện ĐKMT trước khi nghiệm thu bàn giao hoặc vận hành chính thức.

#### **2. Nội dung, hình thức thực hiện**

##### **2.1 Nội dung ĐKMT**

Nội dung đăng ký môi trường: Văn bản đăng ký môi trường theo qui định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư 02/2022, gồm các thông tin chính như sau:

- a. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở.
- b. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở.
- c. Loại và khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở.
- d. Phương án thu gom, quản lý xử lý chất thải theo quy định của dự án đầu tư, cơ sở.
- e. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

## **2.2 Hình thức ĐKMT, thẩm quyền tiếp nhận ĐKMT**

Hồ sơ ĐKMT trình trực tiếp, qua đường bưu điện (hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án.

Đối với dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ban ALĐPP được quyền chọn Ủy ban nhân dân cấp xã để đăng ký môi trường.

UBND cấp xã có trách nhiệm: (i) tiếp nhận đăng ký môi trường, (ii) kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật, (iii) hướng dẫn và giải quyết kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với nội dung đã được tổ chức, cá nhân đăng ký môi trường. *Như vậy, UBND cấp xã sẽ không tổ chức thẩm định, cấp phép đối với ĐKMT.*

Chủ đầu tư thực hiện nộp hồ sơ ĐKMT thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc nộp hồ sơ thông qua đường bưu điện; đồng thời lưu số văn bản ĐKMT (theo quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022), các chứng từ giao nhận văn thư tại UBND cấp xã hoặc thông tin giao/nhận hồ sơ của bưu điện để phục vụ cho công tác quản lý hồ sơ BVMT theo từng dự án.